

BẢNG QUYỀN LỢI BIỂU PHÍ

| STBH/năm/người                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | A1                                                                                                              | A2                                                    | B1                                                    | B2                                                    | C1                                                                                                                                                                 | C2                                                    | D1                                                    | D2                                                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | VND 42,000,000,000                                                                                              | VND 11,000,000,000                                    | VND 32,000,000,000                                    | VND 8,000,000,000                                     | VND 21,000,000,000                                                                                                                                                 | VND 6,000,000,000                                     | VND 2,100,000,000                                     | VND 1,100,000,000                                     |
| Phạm vi địa lý được bảo hiểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Toàn cầu loại trừ Mỹ                                                                                            | Đông Nam Á                                            | Toàn cầu loại trừ Mỹ                                  | Đông Nam Á                                            | Toàn cầu loại trừ Mỹ                                                                                                                                               | Đông Nam Á                                            | Việt Nam                                              | Việt Nam                                              |
| Ngoại phạm vi địa lý được bảo hiểm<br><i>Chỉ áp dụng cho điều trị cấp cứu</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Toàn cầu                                                                                                        | Toàn cầu trừ Mỹ                                       | Toàn cầu                                              | Toàn cầu trừ Mỹ                                       | Toàn cầu                                                                                                                                                           | Toàn cầu trừ Mỹ                                       | Châu Á                                                | Đông Nam Á                                            |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Lên tới 10,000,000,000 VND<br>Tối đa 90 ngày/chuyến đi                                                          | Lên tới 6,000,000,000 VND<br>Tối đa 90 ngày/chuyến đi | Lên tới 6,000,000,000 VND<br>Tối đa 90 ngày/chuyến đi | Lên tới 4,000,000,000 VND<br>Tối đa 90 ngày/chuyến đi | Lên tới 4,000,000,000 VND<br>Tối đa 90 ngày/chuyến đi                                                                                                              | Lên tới 2,000,000,000 VND<br>Tối đa 90 ngày/chuyến đi | Lên tới 2,000,000,000 VND<br>Tối đa 30 ngày/chuyến đi | Lên tới 1,000,000,000 VND<br>Tối đa 30 ngày/chuyến đi |
| I ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ VÀ ĐIỀU TRỊ TRONG NGÀY                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 1 Tiền phòng/ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Phòng đơn tiêu chuẩn<br>Tối đa tối STBH                                                                         | Phòng đơn tiêu chuẩn<br>Tối đa tối STBH               | Phòng đơn tiêu chuẩn<br>Tối đa tối STBH               | Phòng đơn tiêu chuẩn<br>Tối đa tối STBH               | Phòng đơn tiêu chuẩn<br>Tối đa tối STBH                                                                                                                            | Phòng đơn tiêu chuẩn<br>Tối đa tối STBH               | Phòng đơn tiêu chuẩn<br>Tối đa tối STBH               | Phòng đơn tiêu chuẩn<br>Lên tới 4,400,000/ngày        |
| 2 <b>Viện phí</b><br>- Chi phí khám, tư vấn<br>- Chi phí phẫu thuật<br>- Chi phí phòng mổ<br>- Y tá điều dưỡng, thuốc, băng gạc<br>- Chi phí cho phẫu thuật viên, bác sĩ gây mê<br>- Phòng ICU<br>- Tư vấn và vật lý trị liệu trong khi nhập viện để điều trị một tình trạng y tế thuộc phạm vi bảo hiểm & các chi định điều trị này liên quan trực tiếp tới tình trạng y tế đó<br>- Xa trị và/hoặc hóa trị<br>- Chụp cắt lớp vi tính, chụp cộng hưởng từ, XQ và các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh khác<br>- Điều dưỡng đặc biệt tại viện |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 3 <b>Cấy ghép nội tạng: thận, tim, gan, phổi, tụy xương.</b> <i>(Loại trừ chi phí vận chuyển, bảo quản, chi phí cho người hiến tạng)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 4 <b>Phẫu thuật chỉnh hình</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 5 <b>Phẫu thuật cấy ghép</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 6 <b>Chi phí phòng cho thân nhân/đem</b> <i>(Thân nhân ở cùng phòng với NDBH hoặc tại khách sạn/nhà nghỉ gần bệnh viện trong cùng một thành phố)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3,000,000 VND                                                                                                   | 3,000,000 VND                                         | 3,000,000 VND                                         | 3,000,000 VND                                         | 3,000,000 VND                                                                                                                                                      | 3,000,000 VND                                         | Chi phí giường cho 01 thân nhân                       |                                                       |
| 7 <b>Trợ cấp tiền ngủ/đêm</b> <i>(với điều kiện NDBH không yêu cầu bồi thường bồi tử chi phí y tế sau phát sinh trong quá trình điều trị nội trú theo HDBH này)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8,500,000 VND<br>Tối đa 45 đêm                                                                                  | 1,600,000 VND                                         | 8,500,000 VND<br>Tối đa 45 đêm                        | 1,600,000 VND                                         | 6,400,000 VND                                                                                                                                                      | 1,500,000 VND                                         | 1,100,000 VND                                         | 1,100,000 VND                                         |
| 8 <b>Trợ cấp khi điều trị tại bệnh viện công/đem</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1,100,000 VND                                                                                                   | 550,000 VND                                           | 1,100,000 VND                                         | 550,000 VND                                           | 1,100,000 VND                                                                                                                                                      | 550,000 VND                                           | 550,000 VND                                           | 550,000 VND                                           |
| 9 <b>Điều trị nội trú với HIV/AIDS do tai nạn lao động hoặc truyền máu</b> <i>(Thời gian chờ 48 tháng liên tục)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 212,000,000                                                                                                     | 212,000,000                                           | 212,000,000                                           | 212,000,000                                           | 212,000,000                                                                                                                                                        | 212,000,000                                           |                                                       |                                                       |
| II <b>UNG THƯ &amp; CHẠY THẬN (NỘI TRÚ &amp; NGOẠI TRÚ)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 10 Xạ trị/hóa trị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 11 <b>Lọc thận</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| III <b>ĐIỀU TRỊ TRƯỚC/ỚC NHẬP VIỆN &amp; SAU XUẤT VIỆN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 12 <b>Điều trị trong vòng 90 ngày trước khi nhập viện</b> <i>( Chi phí cho 01 lần khám, chẩn bệnh và tiền thuốc)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 13 <b>Điều trị trong vòng 90 ngày sau khi xuất viện</b> <i>(Chi phí tái khám, điều trị ngoại trú sau điều trị nội trú hoặc phẫu thuật trong ngày)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| IV <b>ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 14 <b>Cấp cứu ngoại trú do tai nạn</b> <i>(trong vòng 24h sau tai nạn)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 15 <b>Phẫu thuật ngoại trú</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 16 <b>Khám tổng quát và chuyên sâu</b><br>- Chi phí khám tư vấn, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh của bác sĩ<br>- Chi phí khám tư vấn lần 02 cho cùng một tình trạng y tế (cần được chấp thuận trước)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 17 <b>Chụp cắt lớp vi tính, chụp cộng hưởng từ, chụp cắt lớp phát xạ positron, quét densitô (ngoại trú)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       | Chi áp dụng với điều trị trước nhập viện và/hoặc sau khi xuất viện.<br>Chi trả theo hạn mức, điều kiện điều khoản của QL điều trị trước nhập viện và sau xuất viện |                                                       |                                                       |                                                       |
| 18 <b>Liệu pháp Hormone thay thế (HRT)</b><br><i>Chỉ áp dụng với điều trị sau khi mãn mãn</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       | Chi áp dụng với điều trị sau khi xuất viện<br>Chi trả theo hạn mức, điều kiện điều khoản của QL điều trị sau xuất viện                                             |                                                       |                                                       |                                                       |
| 19 <b>Vật lý trị liệu, trị liệu cơ năng và âm ngữ trị liệu sau khi điều trị nội trú</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| IV <b>QUYỀN LỢI KHÁC</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 20 <b>Điều trị thay thế</b><br>- Chi phí tư vấn, điều trị bằng các phương pháp điều trị thay thế (Trị liệu thần kinh cột sống, liệu pháp thiền nhiên, vật lý trị liệu, tư vấn dinh dưỡng, y học cổ truyền Trung Quốc)<br>- Vitamin, thực phẩm chức năng, thuốc y học cổ truyền                                                                                                                                                                                                                                                          | 42,000,000                                                                                                      | 16,000,000                                            | 32,000,000                                            | 10,000,000                                            |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 21 <b>Chăm sóc sức khỏe nâng cao</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Kiểm tra sức khỏe<br>17,000,000<br>Tiêm vắc xin cần thiết <i>(bao gồm chi phí khám trước tiêm)</i><br>4,000,000 | 4,000,000<br>4,000,000                                | 2,500,000<br>                                         | <br>                                                  | <br>                                                                                                                                                               | <br>                                                  | <br>                                                  | <br>                                                  |
| V <b>NHA KHOA</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| Điều trị răng do tai nạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| Phẫu thuật răng hàm mặt<br>- Loại bỏ răng bị ảnh hưởng/ răng không mọc và răng mọc ngầm gây ảnh hưởng<br>- Loại bỏ chấn răng mọc ngầm phức tạp gây ảnh hưởng<br>- Loại bỏ u nang hàm<br>- Điều trị ung thư với tổn thương hoặc khối u trong miệng                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| Chăm sóc nha khoa dự phòng/định kỳ<br>- Khám, tư vấn<br>- Nhũ răng<br>- Trám răng, lấy cao răng/đánh bóng<br>- Chụp XQ răng<br>- Xử lý flo và trám khe                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 15,000,000<br>Đồng bảo hiểm 20%                                                                                 | 15,000,000<br>Đồng bảo hiểm 20%                       | 7,500,000<br>Đồng bảo hiểm 20%                        | 7,500,000<br>Đồng bảo hiểm 20%                        |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| Điều trị phục hồi nha khoa <i>(Thời gian chờ 06 tháng)</i><br>- Răng tủy răng<br>- Cấy ghép hàm cầu răng/thân răng<br>- Điều trị các bệnh về nướu, răng giả, trám răng, bọc răng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 32,000,000<br>Đồng bảo hiểm 20%                                                                                 | 32,000,000<br>Đồng bảo hiểm 20%                       | 25,000,000<br>Đồng bảo hiểm 20%                       | 25,000,000<br>Đồng bảo hiểm 20%                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| VI <b>CHĂM SÓC NHẬN KHOA</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 23 Kiểm tra mắt định kỳ, mắt kính thuốc, kính áp tròng, gong kính đeo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6,000,000                                                                                                       | 4,000,000                                             |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| VII <b>VẬN CHUYỂN CẤP CỨU &amp; HỒI HƯNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 24 Hỗ trợ y tế khẩn cấp quốc tế (IEMA)<br>Chi phí thuê máy bay khứ hồi (hạng phổ thông) để điều trị nội trú hợp lệ theo kế hoạch ngoại quốc gia cư trú chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       | Tối đa tối STBH nếu đi du lịch nước ngoài             |                                                       |
| VIII <b>CHĂM SÓC THAI SẢN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| Khám bệnh hiểm muộn <i>(Thời gian chờ 18 tháng)</i><br>Biên chứng trước và sau sinh <i>(Thời gian chờ 12 tháng)</i><br>- Hội chứng đông máu rải rác lòng mạch<br>- Đờ tử cung<br>- Mang thai ngoài tử cung<br>- Tiền đường thai kỳ<br>- Chửa trứng - mang thai giả<br>- Hội chứng ốm nghén nặng<br>- Ủ mật sản khoa<br>- Tiền sản giật/ sản giật<br>- Nhễm máu hiếm RH<br>- Đeo dây thai<br>- Băng huyết sau sinh<br>- Sốt nhau thai                                                                                                    | 42,000,000 VND/cá đời                                                                                           | 42,000,000 VND/cá đời                                 |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 25 Mang thai & Sinh đẻ <i>(Thời gian chờ 12 tháng)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       | Quyền lợi này chọn, chỉ áp dụng cho HDBH nhóm                                                                                                                      |                                                       |                                                       |                                                       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       | 106,000,000                                                                                                                                                        | 106,000,000                                           | 106,000,000                                           | 106,000,000                                           |
| IX <b>CHĂM SÓC TRẺ SƠ SINH</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 26 Dịch vụ lưu trú cho trẻ sơ sinh tại bệnh viện cùng mẹ khi mẹ đang điều trị nội trú<br>Điều trị bệnh cấp tính <i>(trong vòng 30 ngày sau sinh. Không gồm tình trạng bẩm sinh)</i><br>Điều trị tình trạng bẩm sinh <i>(trong vòng 30 ngày sau sinh)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                | <br>                                                                                                            | <br>                                                  | <br>                                                  | <br>                                                  | <br>                                                                                                                                                               | <br>                                                  | <br>                                                  | <br>                                                  |
| X <b>QUYỀN LỢI KHÁC</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 27 Y tá chăm sóc tại nhà                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 28 <b>Vận chuyển cấp cứu bằng đường bộ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                 |                                                       |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 29 <b>Tình trạng có sẵn</b> <i>(Thời gian chờ 09 tháng)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 42,000,000                                                                                                      | 21,000,000                                            |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 30 <b>Bệnh bẩm sinh</b> <i>(Thời gian chờ 09 tháng)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 21,000,000                                                                                                      | 21,000,000                                            |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 31 <b>Điều trị bệnh tâm thần</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 212,000,000                                                                                                     | 106,000,000                                           | Áp dụng với điều trị nội trú, max. 30 ngày            |                                                       | Áp dụng với điều trị nội trú, max. 30 ngày                                                                                                                         |                                                       |                                                       |                                                       |
| 32 <b>Thiết bị hỗ trợ, thiết bị y tế lâu dài, chân tay giả</b><br>- Chân tay giả<br>- Thiết bị hỗ trợ, thiết bị y tế lâu dài <i>(hỗ trợ, máy trợ thính, máy phát âm (thành phần điện tử), xe lăn, nạng, nẹp chỉnh và thiết bị hỗ trợ chỉnh hình)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 63,000,000 VND/nổi 03 năm<br>21,000,000                                                                         | 21,000,000 VND/nổi 03 năm<br>10,000,000               |                                                       |                                                       |                                                                                                                                                                    |                                                       |                                                       |                                                       |
| 33 <b>Chăm sóc giảm nhẹ và chăm sóc cuối đời với bệnh giai đoạn cuối và tình trạng y tế liên quan</b> <i>(Thời gian chờ 12 tháng)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1,100,000,000/ cá đời                                                                                           | 1,100,000,000/ cá đời                                 | 640,000,000/ cá đời                                   | 640,000,000/ cá đời                                   | 320,000,000/ cá đời                                                                                                                                                | 320,000,000/ cá đời                                   | 320,000,000/ cá đời                                   | 320,000,000/ cá đời                                   |